

Số: /TB-ĐHL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 4 năm 2025

THÔNG BÁO

Tuyển sinh đào tạo Thạc sĩ Luật khóa 39 (2025 – 2027)

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 752/QĐ-ĐHL ngày 06/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật TP.HCM ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Công văn số 1557/BGDĐT-GDDH ngày 21/04/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào đối với người dự tuyển chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ;

Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh thông báo kế hoạch tuyển sinh (dự kiến) đào tạo thạc sĩ Luật - Đợt 1 năm 2025 như sau:

1. Ngành đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh

| Stt | Mã ngành | Tên ngành đào tạo | Chỉ tiêu tuyển sinh |
|------------------|----------|-----------------------------------|---------------------|
| 1 | 8380102 | Luật hiến pháp và luật hành chính | 75 |
| 2 | 8380103 | Luật dân sự và tố tụng dân sự | 200 |
| 3 | 8380104 | Luật hình sự và tố tụng hình sự | 75 |
| 4 | 8380107 | Luật kinh tế | 175 |
| 5 | 8380108 | Luật quốc tế | 75 |
| Tổng cộng | | | 600 |

Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng tuyển sinh sau đại học năm 2025 sẽ quyết định điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh của các ngành đào tạo đảm bảo quy định không vượt quá năng lực đào tạo theo ngành của Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh sau khi điều chỉnh năng lực đào tạo, nếu có, theo quy định. Việc điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh sẽ được thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh theo quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

2. Phương thức và Quy trình tuyển sinh

2.1. Phương thức tuyển sinh

- **Phương thức “Xét tuyển hồ sơ kết hợp phỏng vấn của Ban chuyên môn”**: áp dụng cho Người dự tuyển đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ theo Phụ lục I.

- **Phương thức “Xét tuyển hồ sơ kết hợp phỏng vấn của Ban chuyên môn và thi tiếng Anh”:** áp dụng cho Người dự tuyển CHƯA đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ theo Phụ lục I và có nguyện vọng tham gia kỳ thi tiếng Anh do Trường tổ chức.

2.2. Quy trình tuyển sinh

Bước thứ nhất: Xét hồ sơ

+ Đối với định hướng nghiên cứu căn cứ vào các kết quả học tập ở bậc cử nhân; đối tượng ưu tiên; thành tích nghiên cứu khoa học . . . với số điểm tối đa là 70 điểm.

+ Đối với định hướng ứng dụng căn cứ vào kết quả học tập ở bậc cử nhân; đối tượng ưu tiên; thành tích nghiên cứu khoa học đã có; kinh nghiệm công tác...với số điểm tối đa là 70 điểm.

Bước thứ hai: Phỏng vấn

Ban chuyên môn phỏng vấn trực tiếp người dự tuyển về các nội dung về kiến thức nền tảng khoa học pháp lý và hiểu biết về ngành đào tạo dự tuyển; kỹ năng v.v.v với kết quả phỏng vấn chiếm tối đa 30 điểm.

3. Đối tượng tuyển sinh

3.1. Yêu cầu đối với người dự tuyển

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp (theo mục 6 của Thông báo này) hoặc ngành phải học bổ sung kiến thức (theo mục 7 của Thông báo này) và đã học xong các môn học bổ sung trước khi đăng ký dự tuyển; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu (*Theo danh mục tạp chí khoa học được tính điểm do Hội đồng Giáo sư nhà nước công bố*);

b) Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ quốc tế theo bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 và Bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam tại Phụ lục I.

c) Ứng viên được xem đáp ứng yêu cầu có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục I hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển ¹.

d) Người dự tuyển chưa đạt điều kiện về năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo quy định tại Phụ lục I, trường hợp tham gia kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào do Trường tổ chức phải có kết quả “đạt”.

3.2 Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định tại Phụ lục I.

4. Chính sách ưu tiên

4.1 Đối tượng ưu tiên

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành;

¹ Các đơn vị cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam do Cục Quản lý Chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

4.2 Mức ưu tiên

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại Thông báo này (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng 10 điểm (thang điểm 100) cho kết quả phỏng vấn năng lực kiến thức ngành học của người dự tuyển.

Để được hưởng chính sách ưu tiên, thí sinh phải có đầy đủ các loại giấy tờ hợp lệ chứng minh về việc được hưởng chính sách ưu tiên tại thời điểm nộp hồ sơ. Nhà trường thực hiện việc xét và công nhận thí sinh đủ điều kiện hưởng chính sách ưu tiên trên cơ sở giấy tờ có trong hồ sơ dự thi của thí sinh vào thời điểm xét hồ sơ. Nhà trường không có trách nhiệm thông báo cho thí sinh về việc không có hoặc còn thiếu các loại giấy tờ chứng minh việc hưởng chính sách ưu tiên.

5. Dạng thức đề thi đánh giá năng lực tiếng Anh tuyển sinh trình độ thạc sĩ

Đề thi đánh giá năng lực ngoại ngữ tiếng Anh Bậc 3 theo nội dung Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam gồm 04 kỹ năng: Nghe, nói, đọc viết (*có thể tham khảo mô tả các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam*).

6. Danh mục ngành phù hợp trình độ đại học dự tuyển đào tạo thạc sĩ Luật

| STT | Mã số | Ngành |
|-----|---------|-----------------------------------|
| 1 | 7380101 | Luật |
| 2 | 7380102 | Luật Hiến pháp và luật Hành chính |
| 3 | 7380103 | Luật Dân sự & Tố tụng dân sự |
| 4 | 7380104 | Luật Hình sự và Tố tụng hình sự |
| 5 | 7380107 | Luật Kinh tế |
| 6 | 7380108 | Luật Quốc tế |
| 7 | 7380109 | Luật Thương mại quốc tế |

7. Danh mục ngành phải học bổ sung kiến thức và môn học trước khi dự tuyển

7.1 Danh mục ngành phải học bổ sung kiến thức

7.1.1 Nhóm 1

Áp dụng cho người dự tuyển đào tạo thạc sĩ ngành:

- Luật Hiến pháp và luật Hành chính (8380102);
- Luật Dân sự và Tố tụng dân sự (8380103);
- Luật Kinh tế (8380107);
- Luật Quốc tế (8380108);

Cụ thể như sau:

| STT | Mã số | Tên ngành |
|-----|---------|---|
| 1 | 7140114 | Quản lý giáo dục |
| 2 | 7140204 | Giáo dục Công dân |
| 3 | 7140205 | Giáo dục Chính trị |
| 4 | 7140208 | Giáo dục Quốc phòng - An ninh |
| 5 | 7140248 | Giáo dục pháp luật |
| 6 | 7220201 | Ngôn ngữ Anh (do Trường Đại học Luật Tp. HCM cấp) |
| 7 | 7229042 | Quản lý văn hóa |
| 8 | 7310101 | Kinh tế |
| 9 | 7310102 | Kinh tế chính trị |
| 10 | 7310104 | Kinh tế đầu tư |
| 11 | 7310105 | Kinh tế phát triển |
| 12 | 7310106 | Kinh tế quốc tế |
| 13 | 7310107 | Thống kê kinh tế |
| 14 | 7310108 | Toán kinh tế |
| 15 | 7310109 | Kinh tế số |
| 16 | 7310110 | Quản lý kinh tế |
| 17 | 7310201 | Chính trị học |
| 18 | 7310205 | Quản lý nhà nước |
| 19 | 7310206 | Quan hệ quốc tế |
| 20 | 7310601 | Quốc tế học |
| 21 | 7320101 | Báo chí |
| 22 | 7320104 | Truyền thông đa phương tiện |

| | | |
|----|---------|-------------------------------------|
| 23 | 7320105 | Truyền thông đại chúng |
| 24 | 7320106 | Công nghệ truyền thông |
| 25 | 7320107 | Truyền thông quốc tế |
| 26 | 7320108 | Quan hệ công chúng |
| 27 | 7320205 | Quản lý thông tin |
| 28 | 7340101 | Quản trị kinh doanh |
| 29 | 7340115 | Marketing |
| 30 | 7340116 | Bất động sản |
| 31 | 7340120 | Kinh doanh quốc tế |
| 32 | 7340121 | Kinh doanh thương mại |
| 33 | 7340122 | Thương mại điện tử |
| 34 | 7340123 | Kinh doanh thời trang và dệt may |
| 35 | 7340201 | Tài chính – Ngân hàng |
| 36 | 7340204 | Bảo hiểm |
| 37 | 7340205 | Công nghệ tài chính |
| 38 | 7340301 | Kế toán |
| 39 | 7340302 | Kiểm toán |
| 40 | 7340401 | Khoa học quản lý |
| 41 | 7340403 | Quản lý công |
| 42 | 7340404 | Quản trị nhân lực |
| 43 | 7340405 | Hệ thống thông tin quản lý |
| 44 | 7340406 | Quản trị văn phòng |
| 45 | 7340408 | Quan hệ lao động |
| 46 | 7340409 | Quản lý dự án |
| 47 | 7510601 | Quản lý công nghiệp |
| 48 | 7510604 | Kinh tế công nghiệp |
| 49 | 7510605 | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| 50 | 7580106 | Quản lý đô thị và công trình |
| 51 | 7580301 | Kinh tế xây dựng |
| 52 | 7580302 | Quản lý xây dựng |
| 53 | 7620114 | Kinh doanh nông nghiệp |
| 54 | 7620115 | Kinh tế nông nghiệp |

| | | | |
|----|---------|---------------------------------------|--|
| 55 | 7620211 | Quản lý tài nguyên rừng | |
| 56 | 7620305 | Quản lý thủy sản | |
| 57 | 7720801 | Tổ chức và Quản lý Y tế | |
| 58 | 7720802 | Quản lý bệnh viện | |
| 59 | 7810103 | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành | |
| 60 | 7810201 | Quản trị khách sạn | |
| 61 | 7810202 | Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống | |
| 62 | 7810301 | Quản lý thể dục thể thao | |
| 63 | 7810501 | Kinh tế gia đình | |
| 64 | 7840101 | Khai thác vận tải | |
| 65 | 7840102 | Quản lý hoạt động bay | |
| 66 | 7840104 | Kinh tế vận tải | |
| 67 | 7850101 | Quản lý tài nguyên và môi trường | |
| 68 | 7850102 | Kinh tế tài nguyên thiên nhiên | |
| 69 | 7850103 | Quản lý đất đai | |
| 70 | 7860101 | Trình sát an ninh | |
| 71 | 7860102 | Trình sát cảnh sát | |
| 72 | 7860104 | Điều tra hình sự | |
| 73 | 7860109 | Quản lý nhà nước về an ninh trật tự | |
| 74 | 7860110 | Quản lý trật tự an toàn giao thông | |
| 75 | 7860111 | Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp | |
| 76 | 7860112 | Tham mưu, chỉ huy công an nhân dân | |
| 77 | 7760101 | Công tác xã hội | <i>chỉ áp dụng cho Luật hiến pháp và luật hành chính (8380102)</i> |
| 78 | 7760102 | Công tác thanh thiếu niên | |
| 79 | 7760103 | Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật | |
| 80 | 7760104 | Dân số và phát triển | |

7.1.2 Nhóm 2

Áp dụng cho người dự tuyển đào tạo thạc sĩ ngành:

- Luật Hình sự và Tố tụng hình sự (8380104);

Cụ thể như sau:

| STT | Mã ngành | Tên ngành |
|-----|----------|---------------|
| 1 | 7310201 | Chính trị học |

| | | |
|----|---------|--|
| 2 | 7310202 | Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước |
| 3 | 7310205 | Quản lý nhà nước |
| 4 | 7340403 | Quản lý công |
| 5 | 7860101 | Trình sát an ninh |
| 6 | 7860102 | Trình sát cảnh sát |
| 7 | 7860104 | Điều tra hình sự |
| 8 | 7860109 | Quản lý nhà nước về an ninh trật tự |
| 9 | 7860110 | Quản lý trật tự an toàn giao thông |
| 10 | 7860111 | Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp |
| 11 | 7860112 | Tham mưu, chỉ huy công an nhân dân |
| 12 | 7860114 | An ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao |

7.2 Các môn học (học phần) cần bổ sung kiến thức trước khi dự tuyển

| TT | Tên học phần | Số tín chỉ |
|----|--|------------|
| 1 | Pháp luật về chủ thể kinh doanh | 2 |
| 2 | Pháp luật thương mại hàng hoá và dịch vụ | 2 |
| 3 | Luật Dân sự | 2 |
| 4 | Luật Tố tụng dân sự | 2 |
| 5 | Luật Hiến pháp Việt Nam | 2 |
| 6 | Luật Hành chính Việt Nam | 2 |
| 7 | Luật Quốc tế | 2 |
| 8 | Luật Thương mại quốc tế | 2 |
| 9 | Luật hình sự | 2 |
| 10 | Luật tố tụng hình sự | 2 |
| | Tổng | 20 |

Thông tin về việc tổ chức các môn học bổ sung kiến thức trước khi dự tuyển được thông báo trên Website của Trường: <http://sdh.hcmulaw.edu.vn/vi/tuyen-sinh>

8. Địa điểm tổ chức tuyển sinh, hình thức đào tạo, địa điểm đào tạo, chương trình đào tạo và thời gian đào tạo:

8.1 Địa điểm tổ chức tuyển sinh:

Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh
Số 02 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh

8.2 Hình thức đào tạo:

Chính quy

8.3 Địa điểm đào tạo:

Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh:

- Trụ sở chính: số 02 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh.
- Cơ sở 2: số 123 Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.
- Cơ sở 3: Phường Long Phước, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.
- Các hoạt động thực hành, thực tập, nghiên cứu và trải nghiệm thực tế được tổ chức ở ngoài Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh nhưng không vượt quá 20% khối lượng chương trình đào tạo.
- Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh tổ chức các lớp học trực tuyến với khối lượng học tập không vượt quá 30% khối lượng chương trình đào tạo.

8.4 Chương trình đào tạo:

Chương trình đào tạo bao gồm (1) Chương trình thạc sĩ định hướng nghiên cứu và (2) Chương trình thạc sĩ định hướng ứng dụng.

Cụ thể như sau:

| Stt | Mã ngành | Tên ngành đào tạo | Chương trình đào tạo | |
|-----|----------|-----------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|
| 1 | 8380102 | Luật hiến pháp và luật hành chính | Chính quy định hướng nghiên cứu | Chính quy định hướng ứng dụng |
| 2 | 8380103 | Luật dân sự và tố tụng dân sự | Chính quy định hướng nghiên cứu | Chính quy định hướng ứng dụng |
| 3 | 8380104 | Luật hình sự và tố tụng hình sự | Chính quy định hướng nghiên cứu | Chính quy định hướng ứng dụng |
| 4 | 8380107 | Luật kinh tế | Chính quy định hướng nghiên cứu | Chính quy định hướng ứng dụng |
| 5 | 8380108 | Luật quốc tế | Chính quy định hướng nghiên cứu | |

Ghi chú:

Trong mỗi ngành đào tạo, Nhà trường chỉ tổ chức đồng thời 02 chương trình đào tạo áp dụng cho hai hình thức chính quy định hướng nghiên cứu và chính quy định hướng ứng dụng, nếu có, khi số học viên của một chương trình không dưới 20 học viên.

8.5 Thời gian đào tạo:

1,5 năm (18 tháng)

9. Hồ sơ dự tuyển:

- 1) Bản sao (có công chứng, chứng thực) Bằng tốt nghiệp đại học.
- 2) Đơn xin dự thi (theo mẫu).
- 3) Sơ yếu lý lịch (dán ảnh và đóng dấu giáp lai) có xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú.
- 4) Giấy chứng nhận có đủ sức khỏe để học tập của một bệnh viện đa khoa.
- 5) 01 ảnh 3 x 4 (chụp không quá 6 tháng).
- 6) Xác nhận của đơn vị nơi công tác đối với thí sinh dự thi vào trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng (nếu có).
- 7) Văn bằng, chứng chỉ minh chứng đáp ứng yêu cầu về năng lực ngoại ngữ tiếng Anh đầu vào (có công chứng, chứng thực) (nếu có).
- 8) Hồ sơ minh chứng đối tượng ưu tiên (có công chứng, chứng thực) (nếu có).

Lưu ý:

Hồ sơ dự tuyển sẽ được hậu kiểm trong vòng 06 tháng kể từ ngày có kết quả trúng tuyển

10. Kế hoạch tuyển sinh Đợt 1 (dự kiến)

- 1) Công bố thông báo tuyển sinh: Ngày 16/4/2025
- 2) Đăng ký và nộp hồ sơ xét tuyển trực tuyến: Từ ngày 16/4/2025 đến ngày 31/5/2025.
- 3) Địa điểm nhận hồ sơ giấy sau khi đã có kết quả trúng tuyển: Phòng Đào tạo Sau đại học (Phòng A 105) vào các ngày làm việc trong tuần (từ thứ 2 đến thứ 6; sáng từ 8g00 - 11g00; chiều từ 14g00 - 16g30).
- 4) Đăng ký ôn tập và dự thi đánh giá năng lực tiếng Anh: Từ ngày 16/4/2025 đến ngày 30/4/2025
- 5) Lịch ôn tập ngoại ngữ tiếng Anh: Từ ngày 04/5/2025 đến ngày 10/5/2025 (vào các buổi tối từ 18:00- 20:30).
- 6) Lịch thi đánh giá năng lực ngoại ngữ tiếng Anh đầu vào: Ngày 24/5/2025.
- 7) Công bố kết quả đánh giá năng lực ngoại ngữ tiếng Anh đầu vào: Từ ngày 31/5/2025 đến ngày 04/6/2025.
- 8) Lịch phỏng vấn đánh giá năng lực kiến thức ngành học: Ngày 11/6/2025.

11. Lệ phí

- 1) Lệ phí xét tuyển: 600.000 đồng/01 người dự tuyển.
- 2) Lệ phí thi đánh giá năng lực ngoại ngữ tiếng Anh đầu vào: 500.000 đồng/ 01 thí sinh.

- 3) Lệ phí ôn tập ngoại ngữ (tiếng Anh): 700.000 đồng/ 01 thí sinh.
- 4) Thời hạn nộp lệ phí:
- Thời hạn nộp lệ phí ôn tập ngoại ngữ (ôn tập tiếng Anh): hết ngày 30/4/2025
 - Thời hạn nộp lệ phí thi đánh giá năng lực ngoại ngữ tiếng Anh đầu vào (thi tiếng Anh): hết ngày 30/4/2025
 - Thời hạn nộp lệ phí xét tuyển: hết ngày 31/5/2025
- 5) Phương thức đóng lệ phí:
- Đóng trực tiếp tại Trường: phòng B.105A (Số 02 Nguyễn Tất Thành, P.13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh)
 - Chuyển khoản qua ngân hàng theo tài khoản của Nhà trường như sau:
 - Đơn vị thụ hưởng: **Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh**
 - Số tài khoản: **1900 201 447 071**
 - Tại Ngân hàng: **Agribank - Chi nhánh Trung tâm Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh**
 - Nội dung chuyển khoản: **“Họ và tên thí sinh#Số điện thoại#*** CHL Khóa 39”**

(*** = ôn tập tiếng Anh/ thi tiếng Anh/ xét tuyển)

12. Thời điểm công bố kết quả tuyển sinh, khai giảng khoá học (dự kiến)

- Công bố kết quả tuyển sinh: Từ ngày 21/6/2025 đến ngày 25/6/2025
- Thời gian bắt đầu khóa học: Ngày 15/7/2025
(Lịch học của tất cả các chuyên ngành vào các ngày từ Thứ 2 đến Thứ 6 bắt đầu từ 18:15, Thứ 7 học cả ngày (buổi sáng bắt đầu lúc 7:30, buổi chiều bắt đầu lúc 13:30)

13. Học phí (dự kiến)

Tổng mức thu học phí của các chương trình đào tạo thạc sĩ niên khoá 2025 – 2027 là 99.000.000 đồng (**tăng 10% so với khóa 2024 – 2026**), trong đó:

- Mức thu của năm 2025 – 2026 là: 47.700.000 đồng
- Mức thu của năm 2026 – 2027 là: 51.300.000 đồng

Lưu ý:

Hồ sơ dự tuyển và lệ phí xét tuyển không được hoàn trả lại cho ứng viên trong mọi trường hợp.

THÔNG TIN LIÊN HỆ:

Phòng Đào tạo Sau đại học – Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh

Số 02 Nguyễn Tất Thành, P.13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: **08.39400989 số nội bộ 118./.**

Nơi nhận:

- Lưu: VT, SDH.

HIỆU TRƯỞNG

Ts. Lê Trường Sơn

PHỤ LỤC I

Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3 và bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ^{2, 3}

| TT | Ngôn ngữ | Chứng chỉ /Văn bằng | Trình độ/Thang điểm | |
|----|------------------|--|--|--|
| | | | Tương đương Bậc 3 | Tương đương Bậc 4 |
| 1 | Tiếng Anh | TOEFL iBT | 30 - 45 | 46 - 93 |
| | | TOEFL ITP | 450-499 | |
| | | IELTS | 4.0 - 5.0 | 5.5 - 6.5 |
| | | Cambridge Assessment English | B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159 | B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179 |
| | | TOEIC (4 kỹ năng) | Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149 | Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179 |
| 2 | Tiếng Pháp | CIEP/Alliance française diplomas | TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue | TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue |
| 3 | Tiếng Đức | Goethe - Institut | Goethe-Zertifikat B1 | Goethe-Zertifikat B2 |
| | | The German TestDaF language certificate | TestDaF Bậc 3 (TDN 3) | TestDaF Bậc 4 (TDN 4) |
| 4 | Tiếng Trung Quốc | Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK) | HSK Bậc 3 | HSK Bậc 4 |
| 5 | Tiếng Nhật | Japanese Language Proficiency Test (JLPT) | N4 | N3 |
| 6 | Tiếng Nga | ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному | ТРКИ-1 | ТРКИ-2 |

² Các đơn vị liên kết thi, cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài do Cục Quản lý Chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố căn cứ Thông tư số 11/2022/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài.

³ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.